

SỐ : 1505

TỨ A HÀM MỘ SAO GIẢI

Tác giả: A-la-hán Bà-tổ-bạt-đà.

Hán dịch: Đồi Phù Tần, Sa Môn Cư Ma La Phật Đề.

QUYỂN THƯỢNG

THỨ NHẤT

A-hàm-mộ, (đời Tần gọi là Thú vô).

Trước kính lạy Đấng Thiện Thệ, chúng Pháp, chúng loại trừ ác “hữu”; (lễ ba chúng tôn kính có thể trừ kiết sử) sẽ nói đến ý muốn sơ lược nhanh gọn các nghĩa. Cho nên sẽ nói đến ba pháp.

Đệ tử hỏi: Nói là có ba pháp, nói ba pháp ấy nghĩa là gì?

Thầy đáp: Pháp dựa vào ba môn (ba phương diện, ba phương hướng). Câu kết: “Là thứ tự làm ra”. Thế cho nên phải tưởng biết đến ba pháp.

Hỏi: Nghĩa thứ tự của ba pháp như thế nào?

Đáp: Thế cho nên phải tưởng biết đến ba pháp.

Hỏi: Nghĩa tứ tự của ba pháp như thế nào?

Đáp: Trong nhiều kinh Phật có nói đến vô số các tướng. Như là vị dâm, giận và hoại, là tinh tấn, nhân duyên, thực và trì (giận là vị là vị giận. Buộc vào gọi là Trì-Thực là vị).

Chúng sinh ít trí tuệ muốn cầu nghe Thánh đế. Tưởng đến những hạng người này phải hiểu rõ nghĩa, mau chóng hiểu nghĩa mà tưởng ba pháp này làm phương tiện. Phân biệt thứ tự ấy, thì tất cả đều tưởng đến

những gì chúng sinh hiện có, cuối cùng tùy theo hô mong muốn tưởng biết nghĩa, mà làm ra ba pháp.

Hỏi: Có phải dùng tưởng phương tiện này mà nói ba pháp chẳng?

Đáp: Ba pháp là sự giác ngộ, giải thoát của Đức, Ác và Y (kinh gọi: một là công đức, hai là ác, ba là nương tựa). Ba pháp đó là ba câu căn bản, mỗi thứ có ba độ, ba phần.

Hỏi: Trong ba câu ấy, trước là nói về tư duy giải thoát. Giải thoát nghĩa là gì? Kia giải thoát Công đức, Ác và Y mà có giác ngộ tương ứng?

Đáp: Đã hội nhập, thì không phải nói. Là giải thoát sự sống của thế gian... Cả đến loài trùng, kiến cũng mong muốn, ưa thích sự sống... Nghĩa lạc, không biết Thực vị (cái ăn) mà đi tới giải thoát. Lạc thống (Lạc thọ) chỉ có một nghĩa, mà thế gian ít tương ứng với lạc, ít nhân duyên lạc, không biết đồng... lạc (vui) Đạo, lạc Niết-bàn, lạc không bệnh... vì không biết ứng với lạc nên không mong muốn, do đó vì nói; nếu mong muốn thì không vì nói. Bởi đã vào đạo thì không vì nói như trẻ nhỏ.

Hỏi: Tại sao mất tự biết phạm vi hoạt động của nó?

Đáp: Tự biết thì không cần. Vì nói như thế, mọi mong muốn an vui (lạc) thế gian là mong muốn là cái ham muốn của đạo; do vậy, nói ý nghĩa của đạo là không làm điều ác.

Hỏi: Giác ngộ công đức là có an lạc giải thoát, nếu vậy, thì không thể thấy vàng, thấy là được giàu sang! Có bệnh không thể nói nghe uổng thuốc là hết bệnh. Cho nên không thể giác ngộ là giải thoát?

Đáp: Như đèn sáng đưa vào thì bóng tối tan biến ngay, không thể đèn sáng sau đó bóng tối mới diệt. Chính trí huệ phát sinh giải thoát. Nó đồng nghĩa với trí giác.

Hỏi: Công đức là pháp gì? Là vì chúng sinh nhiễm si, là vì sắc-hương-vị, vì thọ, không thọ, đã thọ?

Đáp: Ngoài những ý tưởng đó ra, thì Kinh nói công đức là Phước đức, Căn và Vô ác. Ba công đức này là tưởng về công đức của pháp thanh tịnh, quả và Ngã. Tất cả đều trong ba thứ này. Nay sẽ nói tóm lược.

Hỏi: Đã nói phước đức, văn, vô ác, thì đó là pháp gì?

Đáp: Phước đức, gồm Thí, Giới, Phân biệt luôn hành sự thiện, khiến người ta không còn ác. Cho nên phước là ba hành: Thí, Giới, Phân Biệt. Bạc Tiên sư nói như thế này:

*Thường luôn làm phước đức như hành Thí.
Vì mạng chúng sinh, mạng ấy qua nhanh
Nếu thường luôn hành động diệt thói ác
Thì gọi phước đức như thí dụ đây.*

(Tám chữ gọi là Thủ lô. Kệ Thủ lô gồm ba mươi hai chữ).

Hỏi: Đã nói Phước đức là Thí, Giới, Phân biệt, thế nào là Thí?

Đáp: Của cải mình dùng cũng như kẻ khác dùng. Của ban cho và ý niệm ban cho đều chấm dứt, cứ vậy mà bố thí. Đó là ba hạnh thí. Cho ăn, cho pháp, cho vô úy. Kinh nói là pháp thí, thực thí, vô úy thí. Đó là nói ba cách thí. Thí cho thế gian chương thuyết của xuất thế gian là Pháp thí. Vô úy thí là Bát hành (Bát chánh đạo), Tạm quy mạng rồi đến Ngũ giới. Đức Thế Tôn nói quy y Phật rồi, vô lượng chúng sinh không còn sợ hãi, không ganh tị, không giận dữ, không sát hại. Quy y Pháp, Tăng cũng như vậy.

Hỏi: Như quy y rồi, thấy có giết trùng, Pháp nào là Vô úy bảo hộ?

Đáp: Tôi không nói hết thấy chúng sinh. Do tà kiến ngu si, giết hại trùng, làm hại tiền tài của kẻ khác, mà quy Tam bảo rồi, thì không thấy có ở thế gian. Nếu quy y rồi, thì không có làm những việc tà kiến đó. Thấy có ở thế gian đó không phải là quy y. Thế nên bố thí vô lượng về thức ăn, thì thí thực là đứng đầu. Các loại bố thí cho người khác, và bố thí tháp là đứng đầu. Cúng dường thì bố thí hương là đứng đầu. bản thân mình thọ, và người khác, hoặc cả hai đều thọ trì hành thì, thì hai công đức đầy đủ, được quả báo rất lớn. Đó là bố thí tịnh, Tiên sư của tôi nói như vậy: Có ý nghĩ về tiền tài của cải do mình làm ra, hay kẻ khác làm, thì nên coi chúng là phương tiện tốt trong đời thôi, nên có khi cho ít mà có quả lớn. Có khi nhân duyên trong sạch ít, mà được phước đức đầy đủ.

Hỏi: Giới là thế nào?

Đáp: Là giữ cho thân miệng để người khác tiếp nhận, người khác và không tăng tổn hại người khác. Ba tướng ấy cùng khởi lên tương ứng với thân miệng.

Hỏi: Làm thế nào?

Đáp: Để người khác nhận lãnh, không phá hoại người khác và không làm tăng tổn hại người khác. Để người khai nhận lãnh là biết họ ốm đó giống như mình ốm đó, nên không gây phiền nhiễu đến sự nhận lãnh của người khác. Chúng sinh đều tự biết họ như mình thì chúng sinh không gây hại (sát sinh). Như vậy, không ham mê chiếm lấy của cải người khác, vợ của người khác. Như vậy, cũng không để người khác tiếp nhận lời nói dối, lời nói hai lưỡi, lời nói ác, lời nói không cần thiết. Nếu bảy chi (ba điều của thân, bốn điều của miệng). Không gây hại người khác tiếp nhận, thì đối với những cảnh nghèo cùng mà trợ lực cho họ được tiếp nhận sự cứu giúp. Đã làm cho họ nhận lãnh, đã không gây

hại cho họ, cả hai giới tương cùng tương thì phước sẽ tăng liên tục. Như phát nguyện, từ ngày nay không nảy sinh ý định sát sinh, thì trong thời gian này sẽ tăng nhiều thứ tương ứng. Đó gọi là không tăng tổn hoại người khác (nhiều ích hữu tình giới). Ví như, xuất tiền của có lãi đáp trả; ý thiện sinh Giác thọ; như trồng lúa cành lá tăng trưởng cho đến khi được quả. Như thế, liên tục giữ giới cả trong giấc ngủ, thì phước đức càng tăng trưởng là giới.

Hỏi: Phân biệt là pháp gì?

Đáp: Phân biệt là Thiên Vô lượng và Vô sắc. Kinh nói phân biệt là hành thiện. Cho nên phân biệt giống như hoa ướp nhà mè hợp lại mà làm. Phân biệt giống như Vua cầu, giống như những gì mình cầu, vua được quả thì mình cũng được. Có mong cầu thực hành thì có quả tịnh tương ứng. Phân biệt là nghĩa tư duy của thiền, đó là bốn hạnh.

Hỏi: Đó là pháp gì?

Đáp: Thiền là chấm dứt Dâm, chấm dứt Hành, chấm dứt Ái, và chấm dứt Lạc thống khổ thống. Kinh gọi là Tứ thiền: Ở sơ thiền, dâm là hạnh bất thiện. Nói nó là nhân duyên ngăn cản thiện, nên buột ý trụ vào, xa lìa dâm dục. Thiền thứ hai là chấm dứt tự hành, tự tỉnh biết, như tiếng chuông nhỏ dần rồi hết. Cho nên nói vô hành, là chính mình phải ngưng dứt tâm dâm như đã nói. Thiền thứ ba là chấm dứt ái, nghĩa là tâm hoan hỷ vì đã chấm dứt dâm và tự hành như suối phun lên, phải chấm dứt tâm hoan hỷ ấy. Thiền thứ tư là chấm dứt Lạc thống khổ (Lạc thọ, Khổ lạc). Lạc thống ấy là vui thầy ý không còn bị bức bách, ngoài ra không còn dâm, hành và ái. Chấm dứt mọi lạc thống khổ thống này gọi là Thiền thứ tư.

Hỏi: Vô lượng là pháp gì?

Đáp: Vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Hộ (Xả) kinh gọi là Tứ Vô lượng tướng. Chúng sinh vô lượng, thì nhân duyên tiếp nhận họ cũng vô lượng, lại không thể nào lường nổi, cho nên nói là vô lượng. Từ là tâm yêu thương tất cả chúng sinh, ý nghĩ cho vui đến họ, như nghĩ đến thân mình. Bi là tâm xót tương chúng sinh khổ não ý xót thương cứu khổ họ như cứu khổ bảo thân mình. Hỷ là ý vui mừng cho vui nghĩ đến chúng sinh sẽ cùng vui với mình. Hộ là không có hành động gì, luôn nhẫn chịu đối với mọi phi pháp, người khác và chúng sinh đã đối xử với mình. Nếu chúng sinh có đối xử tệ ác với mình, thì quán xét ngược lại đó là nhân duyên mình phải khắc phục, chứ không đáp trả (báo thù).

Hỏi: Thế nào là Vô sắc?

Đáp: Vô sắc là Hư không, Thức, Vô sở hữu và Hữu tướng vô tướng

xử. Bởi hư không là trợ duyên của sắc, trợ duyên của sắc ác và kiến nên ý chúng sinh không nhiễm. Ý nhất định chỉ duyên vào hư không, buộc tướng cùng hư không, gọi đó là Hư không xứ. Như thế nào chỗ dựa là hư không mà có Thức. Do duyên vào Thức mà có hành Thức xứ. Đó cũng còn chỗ nương tựa; không có chỗ nương tựa (vô y) mới được giải thoát, nghĩa là không có mọi hành động (của ý), đó gọi là Vô sở hữu xứ. Do thấy tướng ác, ý nhất tâm diệt sự sợ hãi của thân tướng kia, gọi là Hữu tướng Vô tướng xứ. Bốn loại nói trên là Vô sắc giới. Đã nói quán không, đã nói Vô sắc đó gọi là Phân biệt. cho nên Thí, Giới, Phân biệt là nói Phước đức vậy.

Hỏi: Thế nào là Căn?

Đáp: Căn là không tham lam, không giận và không si. Ba thứ đó là tướng của Căn.

Hỏi: Là gốc của cái gì?

Đáp: Không phải công đức đã nói ở trước. Cho nên nó là pháp đi vào tất cả giải thoát. Căn ấy giống như nói tương ứng, sẽ khiến cho tương ứng. Nghĩa là một tứ mạnh lớn thì hai thứ kia tương ứng theo (si mạnh, thì giận va tham tiếc tương ứng hòa vào thao). Lại như không sền tiếc thì tương ứng với Thí; không giận thì tương ứng với Giới và không si thì tương ứng với Phân biệt. lại tương ứng với ba Thí: Không sền tiếc tương ứng với Thực thí, không giận tương ứng với Vô úy thí, không si tương ứng với Pháp thí. Lại tương ứng với ba Giới: Không sền tiếc, không giận thì không tổn hại người khác; không si thì làm tăng trưởng ích lợi cho người khác (nhiều ích hữu tình giới). Lại tương ứng với ba Phân biệt: Không sền tiếc tương ứng với Thiên, không giận tương ứng với Vô lượng và không si tương ứng với Vô sắc. Lại nữa, không sền tiếc thì hành sự Thánh, không giận thì nhẫn nhục, không si thì đa văn, ba thứ này là gốc của Vô ác. Như vậy Căn là gốc của tất cả hạnh thiện. Như vậy, không sền tiếc (tham tiếc) thì không chấp giữ hành động, suy nghĩ, không làm vì chúng; không giận thì giúp cho diệt trừ giận, không si thì giúp cho diệt trừ vô minh, vô trí. Thế cho nên gọi là Căn.

Hỏi: Thế nào là Vô ác?

Đáp: Là Nhẫn, Văn (đa văn) và Thánh phần. (Kinh nói: Nhẫn, Văn, Thánh phần). Ba thứ này là nói Vô ác. Vô ác theo nghĩa tục số, tùy ý tướng mà nói là Vô ác. Hoặc Ác là chẳng ghê sợ việc ác. Đức Thế Tôn đã từng nói Vô ác là hạnh tốt cùng là nghĩa đó vậy. Nhẫn là chịu khổ trước thế lực mạnh, thế lực ác, tự kiểm chế mình không giận. (Kinh nói: Nhẫn nại chịu khổ trước thế lực mạnh (tăng), thế lực ác).

Như thường chịu đựng trước thế lực mạnh, thì gọi là Vô ác. Trước thế lực ác tự mình kiềm chế, đây là nghĩa nhẫn chịu khổ, chán ghét. Đối với thế lực mạnh thì dễ gia tăng Vô ác, nhưng thế lực không mạnh, mình có thể báo thù, không thể vì nói (tâm như tro lạnh, bỏ ngoài việc ác) thì chỉ nên sợ hãi phát khởi ác đối với chúng sinh. Đây gọi là gia tăng Vô ác là nghĩa Nhẫn. Tiểu nhân (người yếu hơn mình) hại mình, mình càng gia tăng tự kiềm chế; đủ khả năng đáp trả, mà không làm, xem đó chính là lỗi của tự mình chứ không phải của chúng sinh. Tiếp sẽ nói đến nghĩa phải nhẫn chịu những lỗi của hành. Đó là chịu đựng những khổ về: nóng, lạnh, đói, khát, gió bức bách dấy khởi hiện hành. (Kinh nói: khổ đó gọi là giống như sự việc tăng trưởng). Hai sự ấy nổi lên, làm thân khổ, không phải bởi ý của chúng sinh, hay do những điều kiện ác của chúng sinh. Vì vậy, hai thứ khổ trong ngoài bức bách thân ấy, phải nhẫn phải chịu như thế.

Hỏi: Đã nói nhẫn, còn Văn (đa văn) là sao?

Đáp: Là học rộng về Kinh (A-hàm), A-tì-đàm và Tì-nại-da, (ba Tạng). Đa văn có khả năng trừ hết Dâm-Nộ-Si, Học rộng về Kinh đó là học những gì của bậc Nhất thiết trí nói, những gì đã ẩn khả, đó là chấp trước, là phải đoạn trừ, là hiện Tứ Thánh đế, là hiện sáng tỏ, là không trong, không ngoài, là giải thoát. Học rộng về A-tì-đàm đã hiển thị tương ứng những gì kinh vốn có. Học rộng về Tì-nại-da là học những gì nói là vô hành, vô mạng, thanh tịnh. Học ba tạng này gọi là đa văn. Trong đó, học rộng Tì-nại-da tăng sức đình chỉ tham dâm; học rộng A-tì-đàm tăng sức đình sức đình chỉ sân. A-tì-đàm vốn nói về sự biết rõ các hành sở tức, cho nên làm cho sân mỏng yếu. Do sân dấy khởi mà phạm giới đọa địa ngục. Học rộng Kinh, các thuyết Nhân duyên... là gia tăng đình chỉ si. Nghĩa đa văn, tất cả là như vậy.

Hỏi: Thế nào là Thánh phần?

Đáp: Là Thiện tri thức Tư duy và Đắc. Không dám nói nghĩa ác là nghĩa Thánh phần. Mong muốn Thiện tri thức ấy là Thầy, trò, bạn trong ba điều kiện Trợ (giúp sức), Thiện (tài giỏi) và Lực (năng lực). (Kinh nói: mong muốn Trợ, Thiện và Lực là nói Thiện tri thức, vừa là Thầy, là trò, là bạn).

Hỏi: Thế nào nói Thầy giúp sức, trò tài giỏi, bạn năng lực, như thường hay nói?

Đáp: Nói như vậy là đã biết sự sai biệt. trợ, Thiện và Lực đều là tướng của Thiện tri thức. Thầy, trò và bạn hội đủ ba tướng này. “Biết” nói là mạnh nhất, còn hài cho Trợ và Thiện là tùy, thuộc theo. Hoặc có

tướng trợ giúp mà bất thiện, hoặc có trợ giúp, có thức tỉnh mà không có lực nói. Như cha không đủ tuổi làm choa già của con. Hoặc có sức nói mà niệm bất thiện. Hoặc mong muốn trợ giúp và thiện, hoặc mong muốn không trợ giúp, không thiện. Như Mạt-ca-lan, Phú-lam (hai trong sáu sư ngoại đạo). Hoặc muốn không cả trợ giúp, thiện và lực, như tất cả thầy thuốc giỏi (minh tri), bởi trước có oán thù nên biết bệnh mà không cứu. Nếu đủ cả ba tướng vừa nêu, mới là Thiện tri thức. Hoặc thấy có lỗi, trò có lỗi, bạn có lỗi đều không được gọi là Thiện tri thức. Thế nên, ba tướng ấy phải tương ứng mới được là Thiện tri thức.

Hỏi: Tư duy là pháp gì?

Đáp: Là tướng về sự chấm dứt, sự tỉnh thức tinh tấn và sự hộ trì (Kinh nói: Chấm dứt, tỉnh thức tinh tấn và hộ trì tướng). Vì biểu hiện bên ngoài là không có tạo tác, người kia dứt trừ danh, ý loạn làm cho định; tướng kia giống như tỉnh thức thì làm cho tịnh tấn lên những ý nghĩ biếng nhác. Giữ gìn không loạn tức hộ trì, mà đạt được những thứ tương ứng. Như người phu xe, ngựa chạy chậm thì thúc, bò ruỗi nhanh thì Kim hãm lại. Những sở hành như thế gọi là hộ trì. Nên quán xét ý như vậy. Vào một pháp nào trong Vô lượng (Từ, bi, hỷ, xả) thì hộ trì một pháp ấy, đều duyên với chúng sinh. Ý tương ứng trước chúng sinh đều bình đẳng gọi là được hộ trì.

Hỏi: Lý do nào nói nếu ý có hộ trì, ý có hộ trì, thì khi nó dong ruổi, tự biết kìm lại, như ý trì trệ thì hãy dựng nó dậy, và bình đẳng là được hộ trì?

Đáp: Trước tôi há không nói tư duy bình đẳng sao? Như bình đẳng tư duy; ví như khi lo sợ thì hành số tương ứng, nếu khác thì không có bình đẳng tư duy. Thế cho nên gọi là tư duy.

Hỏi: Thế nào là đắc?

Đáp: Là đạt được Cụ, Phương tiện và Quả Kinh gọi là phương tiện định nhập, là vô ngoại và cúng dường. Đó là tương ứng nhập với đẳng Cụ, Phương tiện và Quả.

Hỏi: Cụ thuộc những gì?

Đáp: Như nói đó là giải thoát.

Hỏi: Tên gọi đẳng cụ gồm những gì?

Đáp: Là đẳng Cụ, đẳng Thư, (Đẳng Thư, vì sách chứa đựng nhiều văn tự nên gọi đẳng Thư. Đẳng cụ, vì Sa-môn đủ mười hai pháp nên gọi là đẳng Cụ), Căn đoạn và Cận Thiện). Kinh nói những tụ này là hạnh thiện). Thế nên đẳng cụ giống như nghĩa những loại dụng cụ, đó tức là nghĩa chi tiết. Đây đủ ba hành là Thư (kinh sách), Căn đoạn và Cận

Thiền, gọi đó là Cụ.

Hỏi: Đẳng Thư là những pháp gì?

Đáp: Là pháp Ngũ nạp, A-lan-nhã và hạnh Tỳ-kheo. Đầy đủ những pháp này gọi là đẳng Thư; với ý nghĩa là tăng trưởng. Như hai thư làm tượng một người là thợ vẽ giỏi, một người là thợ đục, khắc đá, gỗ, bằng sự cắt xén, gọt giũa làm tượng. Cả hai đều làm trâu qua thời gian, với hai cách thực hiện: Vẽ tô đắp thêm và đục tổn giảm đi để thành hình tượng. Tượng do thợ đục, khắc có thể chịu đựng gió mưa, còn tượng của thợ vẽ làm thì không chịu đựng được gió mưa. Cũng vậy, hai người, một là xuất gia (đạo nhân) một là tại gia (bạch y); người đạo nhân suy nghĩ từ bỏ quyền thuộc, hành động bỏ ấy giống như người thợ đục, cắt bỏ, gọt giũa... còn người tại gia kia không bỏ vợ, nô tì... giống như hành động tô, vẽ bồi đắp của người thợ vẽ. Người tại gia kia lần lượt yêu thích, từ yêu sinh biệt ly, ưu sầu, mừng vui, lo sợ, đấu tranh làm chính mà phi pháp phá hoại. Cũng như người vẽ tượng kia tuy có tượng mà không bền chắc, không phải như đạo nhân. Đức Thế Tôn nói, hạng ấy như chim công, đẹp nhờ cổ có màu xanh, nhưng bay thì không bằng một bước của hạc nơi đồng nội. Do vậy, người thế tục không bằng được thầy Tỳ-kheo, sống vắng lặng, ngồi thiền nơi đồng vắng, đó gọi là Thư. Ngũ nạp, A-lan-nhã và hạnh Tỳ-kheo, ba thứ này là căn bản của mười hai công đức hạnh Đầu-đà, chín loại còn lại là phụ thuộc, mỗi thứ sẽ nói riêng.

Khi ở chỗ Toan Đà Lê, đức Thế Tôn nói cho Nan Đà ba thứ công đức:

*“Này Nan-đà! Khi nào ta thấy ông
Vô sự mà mặc y ngũ nạp thô
Không đắm nhiễm với của tín thí cho
Xa lìa hạnh dục, luôn ở nơi vắng”.*

Thế nên biết ba công đức đây là căn bản. Ngoài ra ước bốn việc lợi, đó là lợi của việc đắp y, khát thực, giường nằm và thân hữu. Vì lợi của việc đắp y, nên nói trì y ngũ nạp. Vì lợi của ăn uống nên nói trì khát thực. Vì lợi của giống nằm nên nói hạnh A-lan-nhã. Những công đức này đầy đủ, làm tổn loại thân thể hữu này, gọi là đẳng Thư; Hoặc để trừ hai hành nhập là cống cao nhập và tự thán nhập (tự khen mình), do lợi của việc khát thực, đắp y ngũ nạp, hạnh A-lan-nhã, mà dẹp bỏ tất cả sự cống cao ngã mạn. Chính vì được an lạc mà Phật nói công đức của hạnh Đầu-đà.

Hỏi: Thế nào là y ngũ nạp?

Đáp: Là được giữ ba y. (Kinh nói là không lựa chọn xấu hay tốt).

Ngũ nạp vì thường có trong đời sống, nên gọi ngũ nạp phần là ngũ nạp. Ngũ nạp này có ba chi, vốn có, đầy đủ thì có ba y, là đầu tiên, nghĩa này do Kinh nói.

Hỏi: Nếu Ngũ nạp y có ba sự, và công đức của chín Đầu-đà cũng có như thế thì trái với nghĩa Kinh nói: Y ngũ nạp (phần tảo) là y cũ nát chấp vá từ những mảnh vải nhặt ở nghĩa địa, ven đường... Còn mặc ba y đó là y Tăng-già-lê, y Uất-đát-la-tăng và y An-đà-la-bà-tế?

Đáp: Hoặc Tỳ kheo đã có trì bay bên mình rồi, cho dù chấp nhận không giữ nhiều y, nhưng lại ưa thích y đẹp tốt, nên phá hoại đạo nghiệp. Tức do ham lợi mà rối loạn tìm cầu. Lại ưa thích cầu lợi có hai: Đó là cầu cái tốt nhất, và cầu số lượng nhiều; như người cầu cô gái đẹp nhất, và người cầu hàng ngàn cô gái không đẹp (số lượng nhiều). Bởi cầu lợi nhiều, nên Phật chế định trì giữ ba y. bởi cầu cái đẹp tốt nên Phật chế định, ba y giữ gìn bên mình phải bằng từng mảnh vải cắt, ghét lại trong sáu loại chất liệu như vải thô, gai, dây... được xử dụng một. Vì nghĩa đó gọi là không làm y tốt đẹp nhất. Tỳ kheo trì ba y như vậy gọi là không mong cầu y tốt. Hoặc trong chúng cho phép, hoặc nhà bạch y, mình mặc ba y tùy thấy giường tòa nào tốt mà ngồi vì thuyết pháp. Như ngồi chỗ ấy nhân duyên đã tốt thì ngồi. Nếu Thượng tọa sai bảo thì tùy thuận ngồi. Như thế gọi là đầy đủ y ngũ nạp.

Hỏi: Thế nào là pháp A-luyện-nhã (A-lan-nhã)?

Đáp: Thường ngồi nơi gốc cây chỗ trống trải, luôn an tọa. Ba thứ: Ta thường ngồi dưới gốc cây, thường ngồi nơi trống trải, và ta thường ngồi đó là hạnh A-lan-nhã đầy đủ cùng với phần A-lan-nhã tức là bốn thứ. Để hỗ trợ lợi lạc của giường tòa, tín thí hoan hỷ tạo dựng giảng đường, đem ngồi mềm mại, đức Thế Tôn biết việc như thế mà Phân biệt nói”: Đức Thế Tôn nói: Ta thì không phải như vậy. Từ bỏ nhà cửa, bỏ mọi ràng buộc, bỏ luôn cả giảng đường, chỉ giữ hạnh A-lan-nhã. Đó mới là hạnh A-lan-nhã. Còn như muốn làm phòng rộng, muốn ở nơi cao khuất, thì Thế Tôn nói: Ta bảo đó không phải là hạnh A-lan-nhã. Làm việc ấy, khác gì bỏ ngựa cỡi lừa. Thế nên phải ngồi nơi gốc cây. Có người lại bỏ cây xấu ưa thích ngồi ở cây tốt, ưa thích cây lê có trái đẹp. Thế Tôn dạy cho những người ấy, là phải ngồi nơi đồng trống, lộ thiên. Cây có trái, là nơi nam nữ ham muốn, Bà-la-môn ưa thích. Ngồi nơi trống trải ấy rồi, không phát sinh điều lợi gì bèn nghĩ: ngồi nơi chỗ trống trải là khổ hạnh, nên lấy đó làm chỗ nằm tốt, đến sáng mới thôi. Luôn suy nghĩ việc ngủ nghĩ. Do vậy, đức Thế Tôn mới nói những người ấy là không thanh tịnh. Làm như vậy, khác gì cắt lỗ tai mà còn ham đeo

bông. Cho nên phải thường ngồi trên nệm cỏ, kiệt già phu quán sát thế gian hiện hữu mà tự hành đạo nghiệp. Làm như vậy, gọi là đầy đủ hạnh A-lan-nhã.

Hỏi: Thế nào gọi là pháp khát thực (hạnh Tỳ kheo)?

Đáp: Khát thực có nghĩa là ngồi ăn một lần, sau đó, không ăn nữa, (không để dành). Kinh nói: Ở nơi gò mả, vị Tăng họ đạo có hai hạnh ăn: ở trụ xứ được ăn và khát thực. Ở trụ xứ được ăn đó là gia chủ tín thí ngày ngày đem đầy đủ thức ăn đến cho đủ. Hoặc sợ phải tới lui vất vả, nên mới lập Tăng viên, trai đường. Nơi ấy chuẩn bị thức ăn xong thì trưa đem cúng thí. Còn như đi khát thực, thì dù ít hay nhiều, đều khát thực khắp mọi nhà. Trái ngược với pháp khát thực, là muốn được ăn mãi ở một nơi, như bảo nhà đàn-việt là mình sẽ tới ăn. Đó là có ý tham đắm vào chỗ ăn. Đức Thế Tôn nêu dạy: Hành khát thực không được chỉ mong đúng giờ, đến nơi cố định ấy. Do vậy, để không nghĩ đến điều đó, đức Thế Tôn mới chế ra pháp ăn một lần và nói kệ rằng: “Như có người thường nghĩ: Tỉnh thức trong uống ăn, biết tiết độ uống ăn, thì tự giữ tỉnh thức”. Lại, đã giữ được pháp một lần ăn rồi. Phật chế sau Ngọ không được ăn, mà được uống, nhưng thức uống có nhiều loại, làm không thể tư duy về đạo. Thế nên, đức Thế Tôn dạy: Ta dùng nước cũng có thể trừ được khát nước. Do đó, cấm chỉ sau Ngọ không được ăn ống chất đặc. Lại đã giữ ăn một bữa, sau Ngọ uống nước lỏng nhưng hạn thích tắm gội trau dồi thân thể; đức Thế Tôn bèn dạy: Đây cũng như tưởng ăn, tạo nên cống cao, là chỗ mâu chốt của sự cung dưỡng tăng trưởng thân thể, mà cuối cùng cũng bị vất ra nghĩa địa. Do đó, Phật dạy nên, ở nơi nghĩa địa, nhìn thấy những biết đổi của thức ăn trong thân mình ở nơi nghĩa địa. Nơi gò mả ấy, loài trùng ăn hết một nửa các thầy ma, các thầy ma sinh trương máu chảy, cốt tủy rệu rã, cả ngàn thân lộn lạo bữa bãi, thấy vậy thì hết kiêu mạn. Như vậy, Tỳ kheo tu hành đầy đủ viên mãn những thứ nêu trên gọi là đấng Thư.

Hỏi: Thế nào là Căn đoạn?

Đáp: Căn đoạn là không thể đoạn căn, là cưỡng ép, là đình chỉ tự biết kiềm chế, không cho nhiễm hữu.

Hỏi: Thế nào là không thể đoạn căn (bất khả), là cưỡng ép, là đình chỉ?

Đáp: Khi căn môn dấy khởi, không có khả năng làm cho dừng lại, căn không thể dừng lại mà đoạn căn, thì giống như không cho ngựa ăn lúa, uống nước, cũng như không hộ trì được căn. Không thể cắt việc cho ngựa ăn no đủ để không thể đi. nếu không tùy thời để không đoạn căn,

và cưỡng ép, đình chỉ căn thì người mù cũng sẽ lia được dâm!

Thế nên không đoạn căn cưỡng ép - đình chỉ biết cảnh giới hiện hành của căn, không nhận mà tư duy về chúng là có khả năng hộ trì căn. Hoặc Tiên sư dạy: Phải biết trừ bỏ mọi tướng về căn giới, dứt bỏ sự thọ nhận, không có khả năng tới lãnh vực đó. Nghĩa là sự thọ nhận, tự mình vứt bỏ, không nên đến gần, ví như thấy hình người nữ đẹp, thì coi đó như thấy cảm thấy mẹ mình. Ba thứ ấy gọi là Căn đoạn.

Hỏi: Cận Thiên là pháp nào?

Đáp: Là cận Thiên, Nhãn, Vô Tướng. Kinh gọi là đẳng cận tư duy.

Do vậy, ở trước có nói cận thiên là giải thoát.

Hỏi: Như trước nói là Tứ thiên, sao nay nói lại?

Đáp: Trước nói giải thoát thế gian nay nói giải thoát của xuất thế gian, hễ làm được như vậy, nhất định là giải thoát. Trong giai đoạn này, hành giả sẽ chứng được Tứ đế. Như người đi cánh đồng bao la, bắt gặp vườn nhà cây trái hoa quả, lòng họ không còn nghĩ tới đói khát nữa, vì họ đã sắp đến thành quách. Đồng rộng bao la kia là Dâm-Nộ-Si, nhờ thiện tri thức khổ công dẫn dắt, suy tư, mà mau bước khỏi ẩm giới xứ, quán biết hết thấy là vô thường, vô ngã, khổ. Nếu giữ mãi dục lạc này thì có Nhãn phát sinh (ba Nhãn). Lại tăng trưởng tư duy, không bị lay động, quán mọi thứ như chiêm bao thấy điều vui, như thấy bóng hình, luôn thời chịu khó thấy tướng như thế, ấy là sức tưởng nghĩ gia tăng, là đạt pháp tốt nhất của thế gian (Thế đệ nhất pháp), là tướng của Đức Đức Thế Tôn. Như vậy, đó là thiên hành trong ấy, biết rõ, thấy rõ mà được hỷ, là thời điểm thấy Thánh đế.

(Bà-tổ-bạt-đà nói xong phần đầu của Đắc-phần thứ chín trong Pháp độ Công đức).

